

Bản án số: 26/2019/HS-ST

Ngày 24 - 4 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Sơn

Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đình Diệu

Bà Ngô Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/HSST-QĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Bùi Văn M, sinh năm 1987, tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn 21, xã ĐS, huyện NT, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn K và bà Đào Thị T; vợ là Hoàng Thị L và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; hiện nay đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị N; nơi cư trú: Thôn 1, xã BK, huyện NT, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 06 tháng 9 năm 2018, chị Nguyễn Thị N đi xe mô tô nhãn hiệu Nouvo, biển số 15B1-71869 đến Công ty TNHH A có trụ sở tại xã HT, huyện NT, thành phố Hải Phòng (sau đây gọi tắt là Công ty) để làm việc. Khi gửi xe ở nhà xe của Công ty chị Nguyễn Thị N để vé xe cùng giấy tờ cá nhân trong cốp xe, chị Nguyễn Thị N quên không rút chìa khóa xe mà vẫn cắm chìa khóa ở ổ khóa điện. 11 giờ 30 phút cùng ngày, Bùi Văn M cũng là công nhân của Công ty ra nhà xe để lấy xe đi về thì nhìn thấy xe của chị Nguyễn Thị N vẫn cắm chìa khóa ở ổ khóa điện nên nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe để bán lấy tiền chi tiêu. Quan sát không có người xung quanh, Bùi Văn M đến ở cốp xe, thấy có một số giấy tờ và vé gửi xe số 1884, Bùi Văn M đã dùng vé xe này để đi xe của chị Nguyễn Thị N ra khỏi nhà xe qua cổng bảo vệ và đi về nhà cất giấu. Đến 17 giờ cùng ngày Bùi Văn M quay lại Công ty để lấy xe của mình về. 18 giờ cùng ngày chị Nguyễn Thị N ra nhà xe để lấy xe về thì phát hiện bị mất xe nên đã báo cho bảo vệ của Công ty. Quá trình cất giấu xe tại nhà, chị Hoàng Thị L là vợ của Bùi Văn M hỏi Bùi Văn M về nguồn gốc xe, Bùi Văn M nói lấy xe ở Công ty nên chị Hoàng Thị L bảo Bùi Văn M mang xe đi trả. Sáng ngày 07 tháng 9 năm 2018, Bùi Văn M điều khiển xe của chị Nguyễn Thị N đến gửi xe ở nhà xe của Công ty rồi vào làm việc, mục đích đợi đến cuối giờ chiều sẽ gọi điện cho chị Nguyễn Thị N đến lấy xe. Khoảng 13 giờ 40 phút cùng ngày, chị Nguyễn Thị N kết hợp với lực lượng bảo vệ của Công ty rà soát camera an ninh xác định Bùi Văn M là công nhân của Công ty đã lấy xe của chị Nguyễn Thị N nên đã yêu cầu Bùi Văn M lên phòng bảo vệ để làm việc, sau đó trình báo cơ quan Công an. Chị Nguyễn Thị N khai chiếc xe mô tô biển số 15B1-71869 do em trai chị là Nguyễn Văn D cho để làm phương tiện đi lại, anh Nguyễn Văn D mua xe của anh Bùi Quang Q với giá 20.000.000 đồng, anh Bùi Quang Q mua xe của một người tên T không rõ địa chỉ. Bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự ngày 14 tháng 9 năm 2018 kết luận: chiếc xe mô tô biển số 15B1-71869 mà Bùi Văn M chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị N trị giá 13.000.000 đồng. Bản Cáo trạng số 27/QĐ-VKSTN ngày 15 tháng 3 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã truy tố Bùi Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 173, Điểm b, i, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách tương ứng; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; biện pháp tư pháp: Không có; bồi thường thiệt

hại: Không có; xử lý vật chứng: theo quy định; bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của bị cáo: Khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Bị cáo đồng ý với tội danh mà Kiểm sát viên đã luận tội đối với bị cáo nhưng đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để có điều kiện cải tạo trở thành công dân tốt.

- Ý kiến của bị hại: Ngày 06 tháng 9 năm 2018 chị Nguyễn Thị N gửi xe ở nhà xe của Công ty thì bị mất. Sau khi báo bảo vệ của Công ty và qua kiểm tra lại camera an ninh thì xác định Bùi Văn M là người lấy xe của chị. Nay chị đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho Bùi Văn M và không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định bị cáo có tội: Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bởi hình ảnh camera an ninh; lời khai của người làm chứng; lời khai của bị hại; bản kết luận định giá tài sản; vật chứng thu giữ được cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa. Vậy, có đủ căn cứ xác định bị cáo Bùi Văn M đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô trị giá 13.000.000 đồng của bị hại. Với hành vi nêu trên, bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội danh và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Vậy, đề nghị kết tội của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và việc xử lý, xét thấy: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm b, i, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên sẽ xem xét khi quyết định

hình phạt đối với bị cáo. Hành vi của bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật, tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt chưa bao giờ bị kết án, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến xã hội. Vì vậy, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, căn cứ vào nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy không cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách phù hợp và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi thường trú giám sát và giáo dục là đủ để răn đe, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung đồng thời thể hiện sự khoan hồng đối với người thành khẩn khai báo và người lần đầu phạm tội, đã hối cải phù hợp với quy định tại Điều 3 về Nguyên tắc xử lý và Điều 31 về Mục đích của hình phạt của Bộ luật Hình sự. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy, bị cáo không có thu nhập ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Về bồi thường thiệt hại: Không có đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 biển số giả 15B1-71869 là vật không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Trong vụ án này xe mô tô gắn biển số 15B1-718.69, qua xác minh xe mô tô có biển số thật 14X1-007.86 là xe tang vật trong vụ án xảy ra tại thị xã Quảng Yên vào năm 2014 nên Cơ quan điều tra đã bàn giao xe mô tô cùng các tài liệu liên quan cho Cơ quan Công an thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh để giải quyết theo thẩm quyền.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn M (12) mười hai tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là (24) hai mươi bốn tháng, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Bùi Văn M cho Ủy ban nhân dân xã ĐS, huyện NT, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án cho trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về vật chứng: Xử lý vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, như sau: Tịch thu tiêu hủy 01 biển kiểm soát giả 15B1-718.69 đã qua sử dụng.

- Về án phí: Bị cáo Bùi Văn M phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo bản án: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- VKSND TP Hải Phòng;
- CQĐT Công an huyện Thủy Nguyên;
- CQTHS hình sự;
- Trại tạm giam CA TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo, Người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Anh Sơn